UBND HUYỆN TU MƠ RÔNG

Biểu 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 (VỐN SỰ NGHIỆP)

(kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

Đvt: triệu đồng

TT	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông			Sau điều chỉnh			Ghi chú
	Nôi dung	Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Nội dung	Kinh phí	Đơn vị thực hiện	
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**	**865**			**865**		
1	Chương trình phát triển du lịch nông thôn	250	Phòng Văn hóa - Thông tin	Chương trình phát triển du lịch nông thôn	250	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	Điều chỉnh đơn vị thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện
2	Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	300	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	300	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
3	Các hoạt động khác tại các địa phương (*)	15	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các hoạt động khác tại các địa phương (*)	15	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
4	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn	300	Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn	300	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	

UBND HUYỆN TU MƠ RÔNG

Biểu 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 (VỐN ĐẦU TƯ)

(kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

Đvt: triệu đồng

TT	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông			Sau điều chỉnh			Chênh lệch	Ghi chú
	Nôi dung	Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Nội dung	Kinh phí	Đơn vị thực hiện		
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**			**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**				
1	**Dự án 3:**			**Dự án 3:**				
-	Trung tâm giống dược liệu quý	20.007	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trung tâm giống dược liệu quý	20.007	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	-	Điều chỉnh đơn vị thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện

UBND HUYỆN TU MƠ RÔNG **Biểu 03**

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 (VỐN ĐẦU TƯ)

(kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

Đvt: triệu đồng

TT	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông			Sau điều chỉnh			Chênh lệch	Ghi chú
	Nôi dung	Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Nội dung	Kinh phí	Đơn vị thực hiện		
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**	**8.604**			**8.604**		**-**	
1	**Công trình chuyển tiếp**	**7.713**			**8.204**		**491**	
-	Khu văn hóa thể thao xã Măng Ri	1.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Khu văn hóa thể thao xã Măng Ri	286	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	- 714	Điều chỉnh giảm KHV (đã điều chỉnh giảm KHV tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 28/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện)
-	Quảng trường kết hợp khu thể thao xã Đăk Hà	4.493	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quảng trường kết hợp khu thể thao xã Đăk Hà	5.756	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	1.262	Điều chỉnh tăng KHV (đã điều tăng giảm KHV tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 28/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện)
-	Đường giao thông Đăk Riếp 1, xã Đăk Na	2.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Riếp 1, xã Đăk Na	2.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	-	Đính chính tên công trình theo đúng danh mục CT được phê duyệt tại KHV đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Chỉnh trang đô thị Khu trung tâm huyện	220	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Chỉnh trang đô thị Khu trung tâm huyện	162	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	- 58	Điều chỉnh giảm KHV
2	**Công trình khởi công mới**	**891**			**400**		**- 491**	
-	Khu văn hóa thể thao xã Tu Mơ Rông	891	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Khu văn hóa thể thao xã Tu Mơ Rông	200	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	- 691	Điều chỉnh giảm KHV (đã điều chỉnh giảm KHV tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 28/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện)

			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Khu văn hóa thể thao xã Tu Mơ Rông	200	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	200	Danh mục CT bố trí vốn NSTW năm 2025
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	**3.017**			**3.017**		**0**	
1	**Dự án 1**	**3.017,21 ₫**		**Dự án 1**	**3.017,21**		**0,00**	
1.1	**Hỗ trợ nhà ở**	**116,89**		**Hỗ trợ nhà ở**	**3.017,21**		**2.900,32 ₫**	
-	Xã Đăk Na	116,89		Xã Đăk Na	394,99		278,10	
-	Xã Đăk Rơ Ông	-		Xã Đăk Rơ Ông	437,01		437,01	
-	Xã Đăk Tờ Kan	-		Xã Đăk Tờ Kan	675,42		675,42	
-	Xã Tu Mơ Rông	-		Xã Tu Mơ Rông	437,01		437,01	
-	Xã Ngọk Yêu	-		Xã Ngọk Yêu	516,46		516,46	
-	Xã Ngọk Lây	-		Xã Ngọk Lây	158,91		158,91	
-	Xã Tê Xăng	-		Xã Tê Xăng	158,91		158,91	
-	Xã Măng Ri	-		Xã Măng Ri	-		-	
-	Xã Đăk Hà	-		Xã Đăk Hà	-		-	
-	Xã Văn Xuôi	-		Xã Văn Xuôi			-	
-	Xã Đăk Sao	-		Xã Đăk Sao	238,50		238,50	
1.2	**Hỗ trợ đất ở**	**238,50**		**Hỗ trợ đất ở**	**-**		**- 238,50**	
-	Xã Đăk Sao	238,50		Xã Đăk Sao	-		- 238,50	
1.3	**Hỗ trợ đất sản xuất**	**2.661,82 ₫**		**Hỗ trợ đất sản xuất**	**-**		**- 2.661,82 ₫**	
-	Xã Đăk Rơ Ông	392,84		Xã Đăk Rơ Ông	-		- 392,84	
-	Xã Đăk Na	156,27		Xã Đăk Na	-		- 156,27	
-	Xã Đăk Tờ Kan	66,97		Xã Đăk Tờ Kan	-		- 66,97	
-	Xã Tu Mơ Rông	692,05		Xã Tu Mơ Rông	-		- 692,05	
-	Xã Ngọk Yêu	245,57		Xã Ngọk Yêu	-		- 245,57	
-	Xã Ngọk Lây	602,76		Xã Ngọk Lây	-		- 602,76	
-	Xã Tê Xăng	178,59		Xã Tê Xăng	-		- 178,59	
-	Xã Măng Ri	326,77		Xã Măng Ri	-		- 326,77	